

Số: 40 /DSKSK-BVTT

Phú Thọ, ngày 03 tháng 01 năm 2024

DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE

| S<br>T<br>T | Họ và tên             | Bằng<br>cấp<br>chuyên<br>môn | Số chứng chỉ hành<br>nghề | Vị trí<br>chuyên môn                                                                                                                                    | Thời<br>gian<br>khám<br>bệnh,<br>chữa<br>bệnh |
|-------------|-----------------------|------------------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 1           | Lê Tiến Mạnh          | BsCKII                       | 000362/PT-CCHN            | Người kết luận                                                                                                                                          | 29<br>năm                                     |
| 2           | Nguyễn Tiến Dũng      | ThsBS                        | 000352/PT-CCHN            | Người kết luận                                                                                                                                          | 13<br>năm                                     |
| 3           | Phạm T. Tuyết Nhung   | BsCKI                        | 000356/PT-CCHN            | Người kết luận                                                                                                                                          | 22<br>năm                                     |
| 4           | Trần Cảnh Phong       | BsCKI                        | 000353/PT-CCHN            | Khám lâm sàng; Đọc kết<br>quả Điện não, Điện tim;<br>Lưu huyết não; Khám<br>chuyên khoa nội, tâm thần                                                   | 28<br>năm                                     |
| 5           | Lê T. Anh Đào         | BsCKI                        | 000361/PT-CCHN            | Đọc kết quả Điện não, Điện<br>tim; Lưu huyết não Khám<br>chuyên khoa Nhi, Ngoại, Da<br>liều, tâm thần                                                   | 31<br>năm                                     |
| 6           | Nguyễn T. Minh Phương | BsCKI                        | 000354/PT-CCHN            | Khám chuyên khoa Nhi,<br>Ngoại, Da liễu, tâm thần,<br>răng hàm mặt                                                                                      | 32<br>năm                                     |
| 7           | Hà Hoàng Hải          | BsCKI                        | 0002471/PT-CCHN           | Khám chuyên khoa Nhi,<br>Ngoại, Da liễu, tâm thần                                                                                                       | 19<br>năm                                     |
| 8           | Bùi T. Thu Hương      | BsCKI                        | 000364/PT-CCHN            | Khám lâm sàng; chuyên<br>khoa thần kinh, Đọc kết quả<br>CT-Scanner; X-Quang; Siêu<br>âm; XN máu; XN nước tiểu;<br>Điện não, Điện tim; Lưu<br>huyết não; | 19<br>năm                                     |
| 9           | Hà Toàn Thắng         | BsCKII                       | 0004907/PT-CCHN           | Khám lâm sàng, chuyên<br>khoa Nội, Đọc kết quả CT-<br>Scanner; X-Quang; Siêu âm                                                                         | 18<br>năm                                     |
| 10          | Lê Thị Minh Ngọc      | BsCKI                        | 0004881/PT-CCHN           | Khám lâm sàng, Đọc kết<br>quả CT-Scanner; X-Quang;<br>Siêu âm; tai mũi họng, răng<br>hàm mặt                                                            | 16<br>năm                                     |

|    |                   |                   |                 |                                                       |        |
|----|-------------------|-------------------|-----------------|-------------------------------------------------------|--------|
| 11 | Hà Thị Xen        | BsCKI             | 0006029/PT-CCHN | Khám lâm sàng, chuyên khoa Nhi, mắt, tai mũi họng     | 16 năm |
| 12 | Đặng Thị Hồng Nga | BsCKI             | 0006030/PT-CCHN | Khám lâm sàng, chuyên khoa Nhi, mắt, răng hàm mặt     | 18 năm |
| 13 | Phạm Thị Hương    | CN KTV Xét nghiệm | 0002443/PT-CCHN | Thực hiện và đọc kết quả XN máu; XN nước tiểu;        | 14 năm |
| 14 | Chu Hải Ánh       | CN KTV Xét nghiệm | 0002442/PT-CCHN | Thực hiện và đọc kết quả XN máu; XN nước tiểu;        | 14 năm |
| 15 | Hà Mạnh Hải       | CNDD              | 0002426/PT-CCHN | Phụ khám chuyên khoa Răng - Hàm-Mặt                   | 12 năm |
| 17 | Trần T. Mỹ Duyên  | CNDD              | 0002476/PT-CCHN | Phụ khám chuyên khoa Tai - Mũi - Họng                 | 12 năm |
| 18 | Ma T. Thu Trang   | CNDD              | 0002477/PT-CCHN | Phụ khám chuyên khoa Mắt                              | 13 năm |
| 19 | Hà Đăng Khoa      | KTV Đại học       | 0002467/PT-CCHN | Thực hiện kỹ thuật và đọc kết quả CT-Scanner; X-Quang | 12 năm |
| 20 | Bùi Văn Cảnh      | CNDD              | 000378/PT-CCHN  | Người thực hiện chụp X Quang; CR; CT- Scanner         | 15 năm |

**GIÁM ĐỐC**


  
**Lê Tiến Mạnh**